TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH TÂN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **1370**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15/8/2022
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Liên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Võ Phương Trang

2. Bà Đinh Thị Hồng Hạnh

Thư ký phiên tòa: Bà Lương Châu Nguyệt Thiện – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân,Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân: Ông Bạch Ngọc Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 356/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 242/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 173/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25/7/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thanh T, sinh năm: 1974; Nơi ĐKHKTT: Ấp Chòm Xi, xã Thường Phước 1, huyện Hồng N, tỉnh Đồng T; Tạm trú: 302/3/4/29 Lê Đình C, phường Tân T, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí M (bà Lê Thị Thanh T có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1981; Nơi ĐKHKTT: KV Tân A, phường Thuận H, quận Thốt N, thành phố Cần T; Tạm trú: 302/3/4/29 Lê Đình C, phường Tân T, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí M (ông Nguyễn Văn H vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của bà Lê Thị Thanh T cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Bà Lê Thị Thanh T và ông Nguyễn Văn H tự nguyện đăng ký kết hôn và chung sống với nhau vào năm 2003 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 03, quyển số 01, ngày

08/01/2003 do Ủy ban nhân dân xã Thường Phước 1, huyện Hồng N, tỉnh Đồng T cấp. Sau khi kết hôn, hai bên chung sống bình thường, đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Nguyễn Văn H không có trách nhiệm, không lo làm ăn kiếm tiền, thường xuyên chơi bời ăn nhậu, cờ bạc, số đề, ngoài ra ông Nguyễn Văn H còn có hành vi bạo hành đối với bà Lê Thị Thanh T nên bà Lê Thị Thanh T đã phải ra ngoài sống ly thân từ ngày 08/3/2022. Nay bà Lê Thị Thanh T nhận thấy không còn tình cảm với ông Nguyễn Văn H, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên làm đơn khởi kiện với yêu cầu cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Lê Thị Thanh T yêu cầu được ly hôn ông Nguyễn Văn H.

- *Về con chung:* Bà Lê Thị Thanh T và ông Nguyễn Văn H có 01 (một) con chung tên Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 2002, đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Bà Lê Thị Thanh T tự khai không có.

Trước khi mở phiên tòa, nguyên đơn - bà Lê Thị Thanh T - có đơn xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu, ý kiến như tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các buổi làm việc tại Tòa án.

Bị đơn - ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu ý kiến và kết luận:

- *Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, như: Thụ lý và giải quyết vụ kiện đúng thẩm quyền; Xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng; Tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; Thông báo và tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Giao quyết định đưa vụ án ra xét xử, hồ sơ cho Viện Kiểm sát đúng thời hạn quy định. Đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa:* Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án; Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án:* Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Nhận thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Thanh T và ông Nguyễn Văn H là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung

sống cùng nhau hai bên đã phát sinh mâu thuẫn dẫn đến không còn tình cảm, không quan tâm và chăm sóc nhau chứng tỏ mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, việc bà Lê Thị Thanh T yêu cầu được ly hôn ông Nguyễn Văn H là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Bà Lê Thị Thanh T tự khai có 01 (một) con chung tên Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 2002 – đã thành niên, không yêu cầu giải quyết; ông Nguyễn Văn H không có ý kiến nên không xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị Thanh T tự khai không có, ông Nguyễn Văn H không có ý kiến nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Xét đơn xin ly hôn của bà Lê Thị Thanh T, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, có cơ sở xác định đây là vụ kiện hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn"; bị đơn - ông Nguyễn Văn H có nơi cư trú tại số 302/3/4/29 Lê Đình C, phường Tân T, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí M. Do đó, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị Thanh T có đơn xin vắng mặt; ông Nguyễn Văn H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Lê Thị Thanh T, ông Nguyễn Văn H.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Thanh T đối với ông Nguyễn Văn H, Hội đồng xét xử căn cứ đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày của bà Lê Thị Thanh T, thấy rằng: Trong thời gian chung sống cùng nhau, ông Nguyễn Văn H không có trách nhiệm, không lo làm ăn kiếm tiền, thường xuyên chơi bời ăn nhậu, cờ bạc, số đề, ngoài ra ông Nguyễn Văn H còn có hành vi bạo hành đối với bà Lê Thị Thanh T nên hai bên đã sống ly thân từ ngày 08/3/2022 cho đến nay.

Về phía bị đơn, Tòa án đã nhiều lần triệu tập để ông Nguyễn Văn H thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình, cũng như phản đối, bác bỏ yêu cầu ly hôn và ý kiến trình bày của bà Lê Thị Thanh T, đồng thời tham gia phiên hòa giải để tạo cơ hội cho hai bên giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm nhưng ông Nguyễn Văn H vắng mặt, điều đó thể hiện ông Nguyễn Văn H không có thiện chí hòa giải, hàn gắn quan hệ hôn nhân. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà Lê Thị Thanh T, ông Nguyễn Văn H đã trầm trọng, không còn khả năng để hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nay bà Lê Thị Thanh T yêu cầu được ly hôn ông Nguyễn Văn H, căn cứ theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Bà Lê Thị Thanh T và ông Nguyễn Văn H có 01 (một) con chung tên Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 2002.

Xét, con chung của bà Lê Thị Thanh T và ông Nguyễn Văn H đã thành niên; bà Lê Thị Thanh T không yêu cầu giải quyết, ông Nguyễn Văn H không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xét.

[3.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị Thanh T tự khai không có, ông Nguyễn Văn H không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí: Bà Lê Thị Thanh T chịu 300,000 (ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Lời đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân là phù hợp quy định pháp luật nên thống nhất.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91; khoản 2 Điều 92; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà Lê Thị Thanh T đối với ông Nguyễn Văn H.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Lê Thị Thanh T được ly hôn ông Nguyễn Văn H (Giấy chứng nhận kết hôn số 03, quyển số 01, ngày 08/01/2003 do Ủy ban nhân dân xã Thường Phước 1, huyện Hồng N, tỉnh Đồng T cấp cho bà Lê Thị Thanh T và ông Nguyễn Văn H không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

- *Về con chung:* con chung của bà Lê Thị Thanh T và ông Nguyễn Văn H là Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 2002 – đã thành niên, bà Lê Thị Thanh T không yêu cầu giải quyết, ông Nguyễn Văn H không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xét.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Bà Lê Thị Thanh T tự khai không có, ông Nguyễn Văn H không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xét.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Thanh T chịu 300,000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0033696, ngày 28/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lê Thị Thanh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền và thời hạn kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện Kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND quận Bình Tân;
- Các đương sự;
- Chi cục THA DS quận Bình Tân;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Liên